

Bản án số: 112/2017/HS-PT
Ngày 03-11-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Hoàng.

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Huỳnh Đức;

Bà Lưu Thị Mỹ Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Thắng Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 152/2017/HSPT ngày 10 tháng 10 năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Tuấn A. Do có kháng cáo của bị cáo và người bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 178/2017/HSST ngày 28 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố T.

Họ và tên bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Tuấn A (tên gọi khác: B), sinh năm 1985 tại tỉnh Bình Dương; nơi cư trú: Số X, đường Y, khu Z, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L (đã chết) và bà Phạm Thị T, sinh năm 1958; có vợ là Lê Thị Cẩm T1, sinh năm 1987; có 02 người con (sinh năm 2011 và năm 2014); tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

Người bị hại có kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Hoài H, sinh năm 1982; nơi cư trú: Số M, khu phố N, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại: Ông Nguyễn Văn T2 – Luật sư của Văn phòng Luật sư N, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Tuấn A và Nguyễn Thị Hoài H có mối quan hệ tình cảm. Khoảng 23 giờ 30 phút, ngày 02/11/2016, A đến nhà H và yêu cầu bà H mở cửa cho A vào nói chuyện. Do bà H và A đang có mâu thuẫn nên bà H không mở cửa cho A vào nhà và bà H gọi điện thoại nói cho bạn là Đỗ Thanh S biết việc A đang đứng trước cổng nhà bà H và yêu cầu bà H mở cửa cho A vào nhà. Lúc này, A trèo qua hàng rào đi đến cửa sau nhà của bà H dùng nón bảo hiểm đập bể kính, thanh chắn cửa rồi trèo qua cửa vào nhà bà H. Tại đây, A và bà H cãi nhau nên A lấy 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu bạc và 01 điện thoại Iphone 5S màu vàng của bà H bỏ vào túi quần để bà H không liên lạc được với người thân. Tiếp đó, A đến nhà bếp lấy 01 dao (lưỡi bằng kim loại, cán bằng gỗ, dài khoảng 20cm) chém bà H 01 nhát trúng vào trán phải gây thương tích và 01 nhát vào vùng đùi phải của bà H nhưng không gây thương tích. Do vết thương trên trán phải chảy nhiều máu nên bà H yêu cầu A chở bà H đến bệnh viện cấp cứu. Khi A và bà H đến phía trước sân nhà thì giữa A và bà H tiếp tục xảy ra cãi nhau nên A tức giận cầm dao đâm xuống đất làm gãy dao và dùng tay đánh nhiều cái vào mặt bà H. Sau đó, A dùng xe ô tô biển số 61A – 284.X chở bà H đến Bệnh viện Đ để cấp cứu. Tại đây, A trả lại 02 chiếc điện thoại cho bà H. Ngày 04/11/2016, bà H có đơn yêu cầu khởi tố vụ án hình sự đối với Nguyễn Tuấn A.

Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 435/2016/GDPY ngày 12/12/2016 của Trung tâm Giám định pháp y – Sở Y tế tỉnh Bình Dương xác định: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên của Nguyễn Thị Hoài H là 02%.

Bản Kết luận định giá tài sản số 04/KLTS-TTHS ngày 12/12/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố T xác định: Tổng giá trị tài sản Nguyễn Tuấn A làm hư hỏng của bà Nguyễn Thị Hoài H có giá trị 750.000 (bảy trăm năm mươi nghìn) đồng.

Hành vi của Nguyễn Tuấn A làm hư hỏng tài sản của bà H không đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” nên ngày 16/5/2017, Công an thành phố T ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Nguyễn Tuấn A về hành vi cố ý làm hư hỏng tài sản.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 178/2017/HSST ngày 28 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố T đã quyết định:

Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tuấn A phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng điểm a, i khoản 1 Điều 104; điểm b, h khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn A 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về biện pháp tư pháp, trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/9/2017, bị cáo Nguyễn Tuấn A có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và đề nghị hưởng án treo với lý do bị cáo phạm tội lần đầu; ăn năn hối cải; đã bồi thường một phần thiệt hại cho người bị hại; gia đình bị cáo có công với cách mạng; bị cáo là lao động chính trong gia đình.

Ngày 12/9/2017, người bị hại Nguyễn Thị Hoài H có đơn kháng cáo đề nghị tăng mức hình phạt đối với bị cáo và không cho bị cáo hưởng án treo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu ý kiến: Tội danh, điều luật mà Tòa án cấp sơ thẩm xét xử và áp dụng đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Tại Tòa án cấp phúc thẩm, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo. Bị cáo cung cấp thêm tình tiết bị cáo đã nộp toàn bộ số tiền bồi thường thiệt hại, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính trong gia đình. Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo không thành khẩn khai báo. Tuy nhiên, tại Tòa án cấp phúc thẩm bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo. Như vậy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tuy nhiên mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên phạt đối với bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, do đó đề nghị không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo. Đối với kháng cáo xin được hưởng án treo, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, đủ điều kiện hưởng án treo theo quy định tại Điều 60 của Bộ luật Hình sự. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm, xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn A 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại có văn bản trình bày ý kiến: Hành vi của bị cáo gây thương tích cho người bị hại là vi phạm pháp luật nghiêm trọng. Mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo là quá nhẹ, không thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật. Bị cáo không có công việc ổn định, không chấp hành tốt pháp luật tại địa phương. Đề nghị Hội đồng xét xử tăng mức hình phạt đối với bị cáo và không cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và đề nghị hưởng án treo.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo để có điều kiện chăm sóc mẹ và con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa phúc thẩm, lời khai của bị cáo thống nhất với nội dung vụ án đã nêu trên, phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã đủ cơ sở kết luận: Xuất phát từ mâu thuẫn tình cảm với người bị hại Nguyễn Thị Hoài H nên khoảng 23 giờ 30 phút, ngày 02/11/2016, bị cáo Nguyễn Tuấn A đã thực hiện hành vi dùng dao là hung khí nguy hiểm chém 01 nhát vào trán phải của người bị hại H gây thương tích. Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 435/2016/GDPY ngày 12/12/2016 của Trung tâm Giám định pháp y – Sở Y tế tỉnh Bình Dương xác định: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên của Nguyễn Thị Hoài H là 02%.

[2]. Hành vi của bị cáo Nguyễn Tuấn A là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của người bị hại được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Về nhận thức, bị cáo biết hành vi dùng dao là hung khí nguy hiểm chém vào đầu của người bị hại là ảnh hưởng đến tính mạng, sức khỏe và vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, thể hiện ý thức xem thường pháp luật và bất chấp hậu quả. Hành vi phạm tội của bị cáo thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình theo quy định của pháp luật. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a, i khoản 1 Điều 104 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3]. Xét kháng cáo của bị cáo:

Đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt: Tại Tòa án cấp phúc thẩm, bị cáo cung cấp thêm tình tiết bị cáo đã nộp thêm số tiền bồi thường thiệt hại là 35.049.000 (ba mươi lăm triệu không trăm bốn mươi chín nghìn) đồng, là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo chưa thật sự thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là phù hợp. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Do đó, áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo. Trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm, bị cáo có bổ sung văn bản với nội dung thể hiện bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính trong gia đình được chính quyền địa phương xác nhận, nhưng đây không phải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên Hội đồng xét xử không chấp nhận. Đối với tình tiết giảm nhẹ bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo từng tham gia nghĩa vụ quân sự phục vụ đất nước và được tặng giấy khen trong phong trào thi đua quyết thắng, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự là đúng quy định của pháp luật. Xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo Hội đồng xét xử xét thấy, mức hình phạt 09 (chín) tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Do đó, không có cơ sở giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đề nghị không giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là có căn cứ.

Đối với kháng cáo đề nghị được hưởng án treo: Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đã nêu trên, không có tiền án, tiền sự, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng và xét thấy bị cáo có khả năng tự cải tạo nên không cần thiết bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù, việc giao bị cáo về ủy ban nhân dân nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục cũng đảm bảo việc tự cải tạo đối với bị cáo nên áp dụng Điều 60 của Bộ luật Hình sự, Nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao cho bị cáo được hưởng án treo. Do đó, kháng cáo của bị cáo về việc xin được hưởng án treo là có

cơ sở chấp nhận. Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về việc cho bị cáo hưởng án treo là có căn cứ.

Đối với hành vi của Nguyễn Tuấn A làm hư hỏng tài sản (giá trị tài sản thiệt hại là 750.000 đồng) của bà H không đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” nên ngày 16/5/2017, Công an thành phố T ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Nguyễn Tuấn A về hành vi cố ý làm hư hỏng tài sản là phù hợp pháp luật.

[4]. Xét kháng cáo của người bị hại và ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo: Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo gây thương tích cho người bị hại với tỷ lệ thương tích là 02%, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Người bị hại kháng cáo cũng không cung cấp được tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Do đó, kháng cáo của người bị hại và đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại là không có cơ sở chấp nhận.

[5]. Về biện pháp tư pháp: Ngày 27/10/2017, bị cáo Nguyễn Tuấn A đã nộp số tiền 35.049.000 (ba mươi lăm triệu không trăm bốn mươi chín nghìn) đồng để bồi thường thiệt hại cho người bị hại tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, xét thấy cần tiếp tục tạm giữ số tiền này để đảm bảo thi hành án.

[6]. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7]. Án phí hình sự phúc thẩm: Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; kháng cáo của người bị hại không được chấp nhận nên người bị hại phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 248 và điểm đ khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Tuấn A. Không chấp nhận kháng cáo của người bị hại Nguyễn Thị Hoài H. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 178/2017/HSST ngày 28 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố T về biện pháp chấp hành hình phạt:

Áp dụng điểm a, i khoản 1 Điều 104; điểm b, h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 60 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn A 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 03/11/2017).

Giao bị cáo Nguyễn Tuấn A cho Ủy ban nhân dân phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị

cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

2. Về biện pháp tư pháp: Tạm giữ số tiền 35.049.000 (ba mươi lăm triệu không trăm bốn mươi chín nghìn) đồng của bị cáo Nguyễn Tuấn A đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương (theo Biên lai thu tiền số AA/2013/01199 ngày 27/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương) để đảm bảo thi hành án.

3. Án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng Điều 98; khoản 1 và khoản 2 Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Tuấn A không phải nộp. Người bị hại Nguyễn Thị Hoài H phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về án phí, về trách nhiệm dân sự, về xử lý vật chứng không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;	1
- Phòng PV 27 CA tỉnh Bình Dương;	1
- TAND thành phố T;	2
- VKSND thành phố T;	1
- Chi cục THADS TP. T;	1
- CQCSĐT CA thành phố T;	1
- Bị cáo;	1
- Người bị hại;	1
- UBND phường H;	1
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;	1
- Tổ Hành chính Tư pháp;	2
- Lưu hồ sơ vụ án.	1

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thanh Hoàng